

THẾ NÀO LÀ NGƯỜI TRÍ THỨC?

Tác giả: Paul Alexandre Baran*

Người dịch: Phạm Trọng Luật

*

*Paul A. Baran là một nhà kinh tế học người Mỹ theo chủ nghĩa Marx. Tiểu luận **The Commitment of the Intellectual (Sự Dấn thân của Người Trí thức)**, đăng trên nguyệt san **Monthly Review** tháng 5 năm 1961, đã được dịch sang Pháp ngữ dưới tựa đề **Qu'est-ce qu'un intellectuel** trên tạp chí **Partisans** tháng 10 năm 1965. Trong bản dịch tiếng Việt này, một mặt, chúng tôi sử dụng bản gốc, tuy thường đối chiếu với bản Pháp văn và giữ lại tựa đề của bản sau như trên, mặt khác, chúng tôi cũng đặt thêm một số tiểu tựa cho dễ đọc, đồng thời bỏ túc phần cước chú (có ký tên người dịch) khi thấy cần thiết.*

Trong tiểu luận xuất sắc được giới thiệu ở đây, khi lập đường phân thủy giữa «trí thức» với «lao động trí thức», Baran đã đưa ra một sự phân biệt hợp lý và cần thiết¹. Và mặc dù được khai sinh trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, thật ra nó đã vượt thoát khuôn khổ của môi trường này. Phê phán của ông đối với một thành phần xã hội nào đó ở Hoa Kỳ vẫn còn nguyên giá trị, nếu đường ranh trên được áp dụng trong một khung cảnh khác, quốc gia chậm tiến hay chủ nghĩa xã hội đương tồn.

*

Thế nào là người trí thức? Câu trả lời hiển nhiên nhất có lẽ như sau: đây là người lao động dùng trí tuệ của mình, và kiếm sống (hoặc trong

trường hợp không phải bận tâm vì sinh kế, thoả mãn lợi ích riêng của mình) nhờ bộ óc hơn là bằng bắp thịt. Tuy khá giản tiện và trực tiếp, nhìn chung, định nghĩa này vẫn không thích hợp. Đúng cho bất cứ ai không làm việc tay chân, rõ ràng là nó không ăn khớp với nghĩa thông thường của từ «trí thức». Những thành ngữ như «*dài lưng tốn vải*» và «*trí thức trùm chăn*»ⁱⁱ cho phép ta nghĩ rằng, đâu đó trong ý thức công luận, có một khái niệm khác hẳn để chỉ một hạng người nào đó như một tầng lớp nhỏ hơn bên trong loại người «lao động bằng trí óc».

PHÂN CÔNG XÃ HỘI

Đây không phải là sự tinh tế gò bó và vô bổ về từ ngữ. Thật ra, sự tồn tại của hai khái niệm khác nhau đó phản ánh một điều kiện xã hội hiện thực: hiểu rõ điều này, chúng ta sẽ đánh giá trung thực hơn vị trí và chức năng của người trí thức trong xã hội. Tuy rộng, định nghĩa đầu áp dụng chính xác cho một nhóm người khá đông, hợp thành một thành phần quan trọng của xã hội: họ làm việc với óc não nhiều hơn là bắp thịt, và sinh sống bằng trí tuệ hơn là bàn tay. Hãy gọi họ là *người lao động trí thức*. Đó là những nhà kinh doanh, y sĩ, quản đốc xí nghiệp, người phổ biến «văn hoá», nhân viên chứng khoán và giáo sư đại học... Tập hợp này, cũng như tập hợp «tất cả người Mỹ» hay «tất cả những người hút ống điếu» không có gì là xúc phạm. Sự sinh sôi nảy nở đều đặn của nhóm lao động trí thức này là một trong những nét nổi bật nhất của tiến hoá lịch sử cho đến nay. Nó phản ánh một khía cạnh chủ yếu của việc phân công xã hội, đã bắt đầu với sự kết tinh sớm của một tập đoàn tu sĩ chuyên nghiệp, và đạt đến tột đỉnh với chủ nghĩa tư bản phát triển: sự tách rời hoạt động trí óc khỏi hoạt động tay chân, «dân thầy» khỏi «dân thợ».

Cả nguyên nhân lẫn hậu quả của sự phân cách này đều rất phức tạp, và lý do sâu xa cũng như tác động của nó đều đa diện như nhau. Vừa nhờ ở sự bành trướng liên tục của năng xuất mà có, lại vừa đóng góp mạnh mẽ vào sự bành trướng ấy, cách biệt này cùng lúc trở thành một

trong những nét chính của hiện tượng phân tán tiệm tiến nơi mỗi cá nhân, của cái mà Marx gọi là «*sự tha hoá của con người đối với chính hắn*». Sự tha hoá ấy không chỉ biểu lộ qua sự tê liệt và méo mó mà phân cách này tạo ra cho sự trưởng thành và phát triển của mỗi cá nhân (việc người lao động trí thức «*vận động*» chút đỉnh trong khi người lao động chân tay thỉnh thoảng tham gia vào hoạt động «*văn hoá*» chỉ có tác dụng làm cho hiện tượng này trầm trọng hơn, chứ không thuyên giảm), mà còn biểu lộ qua sự phân cực triệt để xã hội thành hai phe xung khắc và không còn chút liên hệ nào với nhau. Sự phân cực này, cắt ngang những mâu thuẫn đối kháng giữa các *giai cấp* xã hội, còn gây ra một lớp sương ý thức hệ dày đặc, che lấp những thách thức đích thực mà xã hội phải đối phó, đồng thời tạo ra những vấn đề giả, những đổ vỡ cũng khốc hại chẳng kém gì trường hợp các thành kiến về chủng tộc hoặc mê tín tôn giáo. Rõ ràng là tất cả người lao động trí thức đều có một quyền lợi chung: tránh bị dồn đến chỗ phải làm những công việc tay chân cực nhọc nhưng lương kém hơn, và – bởi vì chính họ lập ra tiêu chuẩn về sự khả kính – ít được trọng vọng. Do quyền lợi này dẫn dắt, họ có khuynh hướng tuyệt đối hoá vị trí xã hội của mình, phóng đại mức khó khăn của công việc và độ phức tạp của loại khả năng cần thiết, thổi phồng sự quan trọng của cái học hình thức, của bằng cấp đại học, v. v... Rồi, tìm cách bảo vệ ưu thế của mình, họ chống lại những người lao động tay chân, tự đồng hoá với nhóm lao động trí thức thuộc giai cấp lãnh đạo, và đứng về phe ủng hộ cái trật tự xã hội đã tạo ra và che chở địa vị cùng những đặc quyền, đặc lợi của họ.

NGƯỜI LAO ĐỘNG TRÍ THỨC

Vì thế, trong chế độ tư bản, người lao động trí thức là hình ảnh điển hình của tên đầy tớ trung thành, nhân viên thừa hành, công chức và phát ngôn nhân của hệ thống tư bản chủ nghĩa. Anh ta xem cái trật tự hiện hữu xung quanh là tự nhiên, và chỉ chất vấn hiện tình, hiện trạng xã hội trong khuôn khổ giới hạn của những bận tâm trước mắt, nghĩa là chỉ liên quan đến công việc trong tầm tay. Nếu không hài lòng về

phí tổn sản xuất của nhà máy mà anh là sở hữu chủ, giám đốc hay người làm công, anh ta sẽ tìm cách làm nó giảm bớt. Nếu được giao trách nhiệm «bán» một thứ xà bông hoặc một ứng cử viên chính trị mới cho dư luận, anh sẽ làm tròn nhiệm vụ một cách chu đáo và khoa học. Nếu không thỏa mãn với những kiến thức hiện có về cấu trúc nguyên tử, anh sẽ dành hết nghị lực và tài năng siêu phàm để tìm ra phương thức làm tăng thêm hiểu biết về cấu trúc ấy. Người ta có thể nghĩ rằng đó là một *kỹ thuật gia*. Nhưng điều này dễ gây ngộ nhận. Với tư cách là chủ tịch xí nghiệp, anh có thể lấy nhiều quyết định quan trọng ảnh hưởng đến nền kinh tế quốc gia, đến công ăn việc làm và đời sống của hàng triệu người. Với tư cách là công chức cao cấp trong chính phủ, anh có thể ảnh hưởng lên cả những biến chuyển của tình hình thế giới. Là giám đốc một viện hay một cơ quan khoa học quan trọng, anh có thể quy hoạch chiều hướng và phương pháp nghiên cứu cho một số lớn các nhà khoa học trong nhiều năm liền. Tất cả những điều trên dĩ nhiên là không phù hợp chút nào với nội dung của từ «*kỹ thuật gia*». Danh từ này thường được dùng để chỉ loại cá nhân mà công việc là áp dụng chủ trương chứ không phải là soạn thảo chính sách, là chọn lựa những phương tiện thích nghi chứ không phải là quyết định các mục tiêu nhắm đến, là theo dõi việc thực hiện chương trình trong chi tiết chứ không phải là quy hoạch những dự án lớn. Tuy nhiên, danh từ «*kỹ thuật gia*» nói lên bản chất của tập hợp gọi là «*người lao động trí thức*» còn trung thực hơn cả nghĩa thông thường của từ này.

Tôi lặp lại: đối tượng công tác và suy tư của người lao động trí thức là những việc làm trong tầm tay. Đó là sự hợp lý hoá, chế ngự và vận dụng bất cứ cái phần thực tại nào mà anh phải chăm lo trước mắt. Trong nghĩa này, anh ta không khác bao nhiêu hoặc không khác chút nào với người lao động tay chân chuyên cán mỏng những tấm kim khí, ráp máy hay xây tường. Nói bằng thể phủ định, người lao động trí thức, *trong tư cách này*, không quan tâm tới ý nghĩa, tính chất, vị trí của công việc mình làm trong toàn bộ sinh hoạt xã hội. Nói cách khác nữa, anh ta không nghĩ gì tới mối tương quan giữa phần nhân lực trong đó có hoạt động của mình với những phần nhân lực khác, và với

toàn bộ quá trình lịch sử. Phương châm «tự nhiên» của anh ta là hãy lo chuyện của mình, và nếu cần mẫn và có tham vọng, cố sao trở thành người hữu hiệu nhất, thành công nhất trong lãnh vực này. Còn về phần những người khác, cũng vậy, họ hãy lo công việc của họ, bất cứ đó là việc gì. Quen suy nghĩ với những danh từ như huấn luyện, kinh nghiệm, khả năng, người lao động trí thức cho rằng lo nghĩ đến những vấn đề có tính cách toàn thể kia cũng là một công việc chuyên môn như bao việc khác. Đối với anh ta, đó là «lãnh vực» của các triết gia, chức sắc tôn giáo, nhà chính trị, cũng như «văn hoá» hay «giá trị» là địa hạt của các nhà thơ, nghệ sĩ và bậc hiền minh.

Từng cá nhân, người lao động trí thức có thể không phát biểu quan điểm trên một cách rõ ràng; cũng có thể là anh ta không ý thức được nó nữa. Nhưng mỗi người, gần như tự bản năng, nếu có thể nói như thế, đều ưa thích loại lý thuyết đã thu nhập và hợp lý hoá được quan điểm này. Một trong những lý thuyết ấy là quan niệm nổi tiếng lâu đời của Adam Smith* về một thế giới trong đó mỗi người làm vườn, bằng cách chăm lo mảnh vườn riêng của mình, sẽ góp phần tốt nhất vào sự thịnh vượng chung của tất cả các mảnh vườn khác của mọi người. Dưới ánh sáng thứ triết lý này, sự quan tâm về cái toàn thể bị đặt ra ngoài trung tâm của những lo nghĩ cá nhân, và chỉ còn tác động trên anh ta một cách hời hợt bên lề, nếu chưa hoàn toàn mất hết hiệu lực, nghĩa là chỉ ảnh hưởng tới anh ta trong tư cách công dân. Sức mạnh và ảnh hưởng của thứ lý thuyết đó xuất phát từ một chân lý quan trọng mà nó hàm chứa: trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, cá nhân phải đương đầu với cái toàn thể như một quá trình đã được khách quan hoá, toàn năng, chuyển động một cách phi lý bởi những lực tầm tối mà anh ta không thể hiểu được, do đó, lại càng không thể ảnh hưởng tới được.

Một lý thuyết khác cũng phản ánh điều kiện của người lao động trí thức và thỏa mãn những đòi hỏi của anh ta, đó là quan niệm về sự cách ly giữa phương tiện với cứu cánh, sự ly dị giữa một bên là khoa học và công nghệ học, một bên là sự xác định mục tiêu và giá trị. Thái độ này,

đến từ một giọng tư tưởng cũng cao quý không kém gì giọng tư tưởng của Adam Smith, đã được Charles Percy Snow* xem rất đúng là «*một phương thức thoái thác trách nhiệm*». Theo ông: «*Những người muốn trốn tránh trách nhiệm thường nói: chúng tôi sản xuất ra dụng cụ. Chúng tôi ngừng ở đó. Bây giờ đến lượt các ông, những người còn lại, những người làm chính trị, phải nói rõ cách dùng các món đồ đó. Có thể là chúng sẽ được dùng vào những mục đích mà phần lớn chúng ta cho là xấu xa. Nếu thế, chúng tôi rất lấy làm tiếc. Nhưng với tư cách là nhà khoa học, việc đó không thuộc thẩm quyền chúng tôi*»ⁱⁱⁱ. Và những gì áp dụng cho nhà khoa học, cũng áp dụng cho tất cả những người lao động trí thức khác, với một áp lực tương đương.

Dĩ nhiên, «*thoái thác trách nhiệm*», trên thực tế, dẫn đến cùng một thái độ với «*lo lắng phần việc của mình*»; đó chỉ là cách nói mới. Và thái độ này vẫn không thay đổi, dù hiện nay một khuynh hướng khá phổ biến đặt tín nhiệm ở chính phủ nhiều hơn ở nguyên tắc *phó mặc*, thay thế bàn tay vô hình của Thượng Đế bằng bàn tay lộ liễu hơn, nếu không nhất thiết phải là hữu ích hơn, của nhà nước tư bản chủ nghĩa. Kết quả vẫn thế: cá nhân không cho quan tâm tới cái toàn thể là việc hữu quan, và bỏ mặc mối lo đó cho kẻ khác, hấn chấp nhận, *qua chính sự bỏ mặc ấy*, cấu trúc hiện hữu của cái toàn thể như một dĩ kiện, đồng thời tán đồng các tiêu chuẩn về lý tính, những giá trị đang giữ phần ưu thắng trong xã hội, cũng như loại thước đo về hiệu năng, sự thực hiện và sự thành đạt hiện hành.

THẾ NÀO LÀ NGƯỜI TRÍ THỨC?

Vì vậy, tôi đề nghị chúng ta tìm đường phân thủy giữa người lao động trí thức và trí thức^{iv} qua thái độ của họ đối với những vấn đề đặt ra bởi *toàn bộ* quá trình lịch sử. Bởi vì một đặc tính của người trí thức giúp ta phân biệt anh ta với người lao động trí thức, và với tất cả những người khác, là sự kiện này: sự quan tâm của anh ta đối với toàn bộ quá trình lịch sử không phải là một thái độ hời hợt ngoài mặt, nó ăn sâu vào tâm trí anh, và chi phối công việc anh ta làm. Tất nhiên, điều

đó không có nghĩa là trong sinh hoạt thường nhật, người trí thức lẫn xả vào việc nghiên cứu tất cả quá trình phát triển lịch sử. Chuyện ấy hiển nhiên là không thể xảy ra. Thật sự, nó chỉ có nghĩa là người trí thức luôn luôn tìm cách *gắn liền* bất kỳ phạm vi lao động riêng biệt nào của mình với những mặt khác của cuộc sống. Chính quyết tâm nối liền các sự việc với nhau – những sự việc mà, trong trường hợp người lao động trí thức sinh hoạt trong khuôn khổ các định chế tư bản chủ nghĩa và thậm chí cả ý thức hệ lẫn văn hoá tư sản, nhất định sẽ bị nhốt cứng trong các ngăn kiến thức hoặc lao động xã hội rời rạc –, chính nỗ lực nối kết đó xác lập một trong những đặc điểm nổi bật của người trí thức. Và cũng chính nó xác nhận một trong những chức năng chính của người trí thức trong xã hội, là nhắc nhở và biểu trưng cho một sự kiện hết sức cơ bản trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, đấy là những mâu thuẫn của cuộc sống xã hội, tuy bề ngoài có vẻ độc lập, hỗn tạp và rời rạc – văn học, nghệ thuật, chính trị, trật tự kinh tế, khoa học, điều kiện văn hoá và tâm lý cá nhân – đều chỉ có thể được hiểu tường tận (và ảnh hưởng tới) khi nào chúng được nhận diện rõ rệt như các bộ phận của toàn bộ quá trình lịch sử.

Nguyên tắc «*chân lý là cái toàn thể*» này – nói theo ngôn từ của Hegel –, ngược lại, bao hàm điều tất yếu không thể tránh này: từ chối chấp nhận bất cứ một bộ phận nào của cái toàn thể chỉ như dữ kiện, hoặc xem nó như không thể nào tìm hiểu, phân tích được. Dù là nghiên cứu về nạn thất nghiệp trong một nước hay sự lạc hậu và đói rách ở một nước khác, về tình trạng giáo dục hiện nay hay sự phát triển của khoa học trong giai đoạn trước, không một toàn bộ những điều kiện chi phối bất cứ xã hội nào có thể được chấp nhận như tự nhiên vốn như thế, hoặc nằm «ngoài lãnh vực». Hoàn toàn không thể nào chấp nhận được sự trốn tránh phơi trần mối liên hệ phức tạp giữa bất kỳ hiện tượng gì ta đang khảo sát với vấn đề trung tâm quá hiển nhiên của sự phát triển lịch sử: tính năng động và sự tiến hoá của ngay chính trật tự xã hội.

Quan trọng hơn nữa, cần phải ý thức rõ hậu quả của thói quen xem những cái gọi là «giá trị» được mọi người tôn trọng như hoàn toàn nằm ngoài phạm vi nghiên cứu khoa học; đây là một lối hành xử đã

được hệ tư tưởng tư sản chủ tâm bồi dưỡng. Bởi vì các «giá trị» và những «phán đoán đạo đức» này, mà người lao động trí thức thường xem như loại dữ kiện bất khả xâm phạm, không hề từ trên trời rơi xuống. Bản thân chúng cũng chính là những khía cạnh và kết quả quan trọng của sự phát triển lịch sử; ở đây, không những chúng cần phải được nhận diện dứt khoát như thế, mà nguồn gốc và vai trò lịch sử của chúng còn cần phải được khảo sát kỹ lưỡng. Thật ra, sự phi thiêng hoá các «giá trị», «phán đoán đạo đức» và những thứ tương tự, sự nhận diện các nguyên nhân xã hội, kinh tế và tâm lý đã khiến chúng xuất hiện, tiến hoá và biến mất, cũng như sự lột trần loại quyền lợi đặc thù mà chúng phục vụ ở từng thời kỳ lịch sử nhất định... chính là đóng góp riêng lớn nhất mà người trí thức có thể mang đến cho sự tiến bộ của loài người.

KẺ «TRUNG LẬP ĐẠO ĐỨC?»

Điều này nêu lên một vấn đề mới. Khi nhận định rằng chức năng của mình chỉ là áp dụng những phương tiện tốt nhất để đạt đến các mục tiêu cho sẵn, người lao động trí thức đã lấy thái độ bất khả tri đối với ngay chính các mục tiêu đó. Trong khả năng như chuyên viên, giám đốc hay kỹ thuật gia, họ tin rằng họ không có thẩm quyền chi hết trong việc quyết định loại mục tiêu phải theo đuổi, cũng như trong việc phát biểu sự ưa chuộng một mục tiêu nào đó hơn một mục tiêu khác. Như đã nói, họ chấp nhận là họ có thể, trong tư cách công dân, có một vài sở thích, với hệ số không hơn cũng chẳng kém gì sở thích của người khác. Nhưng với tư cách là nhà khoa học, chuyên gia, nhà thông thái,... họ khước từ lên tiếng tán đồng «phán đoán giá trị» này hoặc «phán đoán giá trị» khác. Một sự thoái vị như thế, trên thực tế, chỉ có nghĩa là tán đồng mãi mãi hiện trạng, là đưa tay cứu giúp những kẻ đang tìm đủ cách để ngăn cản mọi nỗ lực thay đổi trật tự xã hội hiện hữu bằng một trật tự mới tốt đẹp hơn. Chính sự «trung lập đạo đức» này đã khiến hơn một nhà kinh tế, xã hội, nhân chủng học... tuyên bố rằng, *vì là nhà khoa học*, họ không thể phát biểu một ý kiến nào hết về việc các nước kém mở mang có nên bước vào con đường

tăng trưởng kinh tế hay không; cũng chính nhân danh cùng một thứ «trung lập đạo đức» này mà nhiều nhà khoa học lỗi lạc đã cống hiến không ít năng lực và thiên tài của mình vào việc phát minh và hoàn chỉnh loại vũ khí vi khuẩn.

Đến điểm này, người ta có thể bắt bẻ rằng tôi đang lập luận luẩn quẩn, tiên quyết cho là đúng chính cái điều cần phải chứng minh, rằng nếu có vấn đề ở đây chính là vì không ai có thể suy diễn, chỉ bằng sự hiển nhiên và lý luận không thôi, tính chất tốt hay xấu, lợi hoặc hại của một sự việc nào đó đối với hạnh phúc của nhân loại. Dù mạnh đến đâu, luận cứ trên nằm ngoài vấn đề đang bàn cãi. Ai cũng có thể đồng ý rằng, về những gì tốt hay xấu cho sự tiến bộ của nhân loại, người ta không thể nào đạt đến một phán đoán có giá trị *tuyệt đối* cho mọi nơi và mọi thời. Nhưng có thể nói một phán đoán tuyệt đối và phổ quát như thế chỉ là một vấn đề hay mục tiêu giả, và nhấn mạnh trên tính thiết yếu của nó chính là một khía cạnh của hệ tư tưởng phản động. Sự thật hiển nhiên là cái gì có thể thúc đẩy sự tiến bộ, có cơ may cải thiện kiếp người, những gì thuận lợi cho số phận con người hoặc ngược lại, đều khác nhau tùy từng thời kỳ lịch sử, và từng địa điểm trên trái đất. Nhưng những vấn đề đòi hỏi phát biểu ý kiến không hề thuộc loại *trừu tượng*, tư biện về «thiện», «ác» chung chung, mà luôn luôn là các vấn đề *cụ thể*, đặt ra trên lịch trình xã hội bởi những căng thẳng và đối kháng, do các tập hợp chóng đổi thay của lịch sử. Xưa nay, chưa thời nào, nơi nào có khả năng – mà cũng không hề có sự bắt buộc – đạt đến những giải pháp có giá trị tuyệt đối cho loại vấn đề cụ thể đó; tuy rằng ở mọi nơi và vào mọi thời đều có thách đố sử dụng sự khôn ngoan, kiến thức và kinh nghiệm đã tích tụ được của nhân loại, để tiến đến càng sát càng tốt, một giải pháp *ước chừng như tốt đẹp nhất* trong những điều kiện hiện hữu.

Nếu chúng ta theo gương kẻ «thoái thác trách nhiệm», những người chủ trương «trung lập đạo đức», chỉ quan tâm đến phần việc riêng của mình, thì chính chúng ta sẽ ngăn cản tầng lớp này của xã hội – lớp người có (hay đáng lẽ phải có) những kiến thức và học thức phong phú đầy đủ nhất, nhiều khả năng khám phá và hấp thụ kinh nghiệm lịch sử

nhất – trong việc cung cấp cho xã hội một phương hướng nhân bản cùng sự lãnh đạo sáng suốt có thể thu góp ở mỗi ngã tư của cuộc hành trình lịch sử. Nếu «*tất cả mọi ý kiến có thể phát biểu đều có giá trị không hơn không kém gì ý kiến của tôi*», như gần đây một nhà kinh tế học lỗi lạc đã lưu ý, thì đâu là sự đóng góp mà các nhà khoa học và người lao động trí thức đủ loại có ý muốn và có khả năng mang lại cho hạnh phúc xã hội? Trả lời rằng đây là sự «*biết làm như thế nào*» cần thiết để thực hiện mọi mục tiêu mà xã hội có thể chọn lựa không phải là giải đáp thỏa đáng. Phải thấy rõ rằng «*sự chọn lựa*» của xã hội không phát sinh từ phép lạ: dù ở thời điểm nào, xã hội cũng có thể bị hệ tư tưởng mà trật tự xã hội đã sản sinh ra đưa đến một vài «*chọn lựa*», hoặc bị những quyền lợi có năng lực cám dỗ, dọa dẫm, thậm chí bắt buộc đẩy vào một số «*chọn lựa*» khác. Khi người lao động trí thức từ bỏ việc tìm cách ảnh hưởng lên quyền quyết định những «*chọn lựa*» đó, sự đào nhiệm này không hề để lại khoảng trống nào trong lãnh vực tạo tác giá trị cả. Nó chỉ đơn thuần buông trôi công việc cực kỳ quan trọng ấy vào tay bọn lang băm, bịp bợm và bè lũ, mà dụng tâm có thể là mọi thứ trừ lòng nhân.

NGƯỜI KHÁT KHAO CHÂN LÝ?

Cần nêu ra đây một luận cứ khác của những người chủ trương «*trung lập đạo đức*» mạch lạc nhất. Họ nhận thấy, đôi khi với chút ngần ngại và hồ thẹn nào đó, rằng nói cho cùng, chưa ai chứng minh được bằng sự hiển nhiên và lý luận rằng sống nhân đạo có đôi chút giá trị đạo đức nào. Tại sao một số người lại không cam tâm chịu đói khổ, nếu sự đói khổ của họ giúp kẻ khác được hưởng thụ giàu sang, tự do và hạnh phúc? Tại sao lại phải tìm cách cải thiện điều kiện sinh sống của đại chúng thay vì chăm lo quyền lợi riêng tư? Tại sao lại phải bận tâm chớ «*sữa nuôi mọi*»^v, khi sự bận tâm này là đầu mối của mọi lo lắng, khó chịu? Thái độ nhân đạo phải chăng tự nó chỉ là một «*phán đoán giá trị*» thiếu nền tảng logic? Cách đây khoảng 30 năm, một lãnh tụ sinh viên quốc xã đã đặt cho tôi loại câu hỏi trên trong một buổi họp công cộng (về sau, anh ta trở thành sĩ quan SS nổi tiếng của Gestapo), và

câu trả lời hay nhất mà tôi tìm ra lúc ấy vẫn còn là câu hay nhất đối với tôi ngày nay: thảo luận về các sự việc liên quan đến con người chỉ có nghĩa giữa những kẻ có nhân tính; nói chuyện về con người với súc vật chỉ tổ mất thì giờ.

Đây là điểm trên đó người trí thức không có quyền thoả hiệp. Bất đồng, tranh luận, và ngay cả xung đột trầm trọng là điều không thể tránh, và trên thực tế, không thể không có để xác định nội dung cũng như phương tiện thực hiện những điều kiện cần thiết cho sức khỏe, sự phát triển và hạnh phúc của con người. Nhưng sự dẫn sâu vào chủ nghĩa nhân bản, và tôn trọng nguyên tắc theo đó việc tìm kiếm sự tiến bộ của loài người tự nó không cần tới bất kỳ một biện minh nào của khoa học hay logic phải là thứ *nền tảng có giá trị định đề* cho mọi nỗ lực trí thức đúng nghĩa; và cá nhân nào không chấp nhận nền tảng đó đều không thể tự xem hoặc được xem như người trí thức.

Dựa trên những bài viết của ông, chắc chắn là Charles Percy Snow đã chấp nhận không chút đắn đo khởi điểm đó; tuy nhiên, dường như ông tin rằng có thể tóm thu sự dẫn thân của người trí thức chủ yếu vào bốn phạm nói lên sự thật (ở đây, xin ghi thêm rằng cũng không có cơ sở lý lẽ hay hiển nhiên nào cho mệnh lệnh phải yêu chuộng sự thật hơn sự gian trá!). Thật ra, lý do chính khiến ông khâm phục các nhà khoa học là sự tận tụy với chân lý của họ. Ông viết trong diễn từ dẫn trên: *«Họ muốn tìm ra những gì có đó. Không có ham muốn này, không có khoa học. Đây là động lực của toàn bộ sinh hoạt này. Nó bắt buộc nhà khoa học phải tuyệt đối tôn trọng sự thật, từ đầu đến cuối cuộc nghiên cứu. Nếu anh muốn tìm ra cái gì đang có đó, anh không được lừa gạt mình hoặc gạt gẫm bất cứ ai khác. Không được tự dối trá. Ở mức độ sơ đẳng nhất, anh không được gian trá trong các cuộc thí nghiệm»*². Tuy nhiên, nếu mệnh lệnh trên góp phần biểu hiện thể thức dẫn thân căn bản của người trí thức, nó không thể bao gồm toàn bộ vấn đề. Thật thế, vấn đề không phải chỉ là nói lên sự thật hay không, mà còn là *cái gì là sự thật* trong mỗi trường hợp nhất định, là nói lên sự thật *về cái gì*, và không nói lên *về cái gì*. Ngay trong lãnh vực khoa học tự nhiên, đây là những vấn đề quan trọng, và rất nhiều thế lực hiện đang cố gắng vận chuyển nghị lực và tài năng của

các nhà khoa học theo một vài chiều hướng nào đó, hoặc đang tìm cách ngăn chặn và phá hoại những kết quả họ đã thu hoạch được ở các phương hướng khác. Vấn đề còn mang một ý nghĩa then chốt khi đề tài nghiên cứu gắn liền với cấu trúc và tính năng động của xã hội. Sự thật về một sự kiện xã hội có thể (và chắc chắn sẽ) biến thành điều láo khoét, nếu sự kiện đó bị tách rời khỏi toàn bộ xã hội, hay biệt lập với quá trình lịch sử mà nó là thành phần cấu tạo. Như thế, trong lãnh vực này, cái gọi là sự thật thường được truy tìm và nói lên (một cách an toàn) về những việc chẳng quan trọng chút nào; sự đeo đuổi và phát biểu thứ sự thật đó dần dần trở thành một vũ khí tư tưởng mạnh mẽ cho những kẻ bảo vệ hiện trạng. Ngược lại, *nói lên sự thật về những gì quan trọng*, tìm kiếm sự thật về cái toàn thể, phát hiện ra những nguyên nhân xã hội, lịch sử, cùng sự thâm nhập vào nhau của các bộ phận khác biệt bên trong cái toàn thể, là một thái độ dễ bị kết án là phản khoa học và có tính chất tư biện; thái độ đó sẽ bị trừng phạt bằng sự kỳ thị nghề nghiệp, cô lập hoá hoặc doạ nạt công khai.

TRÍ THỨC, NGƯỜI PHÊ PHÁN XÃ HỘI

Khao khát nói lên sự thật, vì vậy, chỉ là *một* điều kiện để làm người trí thức. Điều kiện khác nữa là phải can đảm, phải sẵn sàng suy nghĩ đến cùng, sẵn sàng «*phê phán không xót thương tất cả những gì hiện hữu, không xót thương theo nghĩa là sự phê phán đó sẽ không lùi bước trước những kết luận của chính nó, và theo nghĩa là nó cũng không sợ đụng chạm với bất cứ thứ quyền lực đương tồn nào*» (K. Marx)^{vi}. Như vậy, người trí thức tự bản chất là kẻ *phê phán xã hội*, người mà ưu tư là nhận diện, phân tích sự vật, và bằng cách đó, góp phần vượt qua mọi trở ngại ngăn cản sự vươn tới một trật tự xã hội tốt đẹp, nhân đạo và hợp lý hơn. Do đó, anh ta trở thành lương tri của xã hội và là phát ngôn nhân của những lực lượng tiến bộ mà trong bất kỳ thời kỳ lịch sử nào xã hội cũng có. Tất nhiên là anh ta sẽ bị giai cấp lãnh đạo, luôn luôn tìm cách duy trì hiện trạng, xem như phần tử gây rối, phá hoại, và anh ta cũng sẽ bị ngay chính những người lao động trí thức làm thuê cho họ cáo

buộc như kẻ không tương, hoặc – trong trường hợp tử tế nhất – nhà siêu hình học, và – trong trường hợp tồi tệ nhất – tên phiến loạn.

Giai cấp lãnh đạo càng phản động, thì trật tự xã hội mà nó thống trị ngày càng hiển nhiên là đã trở thành một chướng ngại cho sự giải phóng con người, hệ tư tưởng của nó ngày càng bị chế ngự bởi tính phản trí thức, phi lý và mê tín. Đồng thời, sự chịu đựng những áp lực đè nặng trên mình của người trí thức – để không khuất phục trước ý thức hệ của giai cấp lãnh đạo, để không gục ngã trước tinh thần khuôn phép vừa tiện vừa lợi của người lao động trí thức – cũng mỗi lúc một trở nên cam go và khó khăn. Trong những điều kiện như vậy, nêu rõ chức năng của người trí thức và nhấn mạnh trên tính cách dẫn thân của họ là điều cực kỳ quan trọng và cấp thiết. Bởi vì chính trong loại điều kiện như thế mà người trí thức phải nhận lãnh số phận, cả như đặc quyền lẫn đặc nhiệm, là bảo toàn truyền thống nhân bản, lý trí và sự tiến bộ – gia sản quý báu nhất của nhân loại qua suốt toàn bộ quá trình lịch sử.

Người ta nói rằng, đối với tôi, làm trí thức đồng nghĩa với làm anh hùng. Người ta cũng có thể cho rằng nhân danh tiến bộ của nhân loại để đòi hỏi con người phải chịu đựng tất cả mọi áp lực của bao kẻ cố bám víu lấy quyền lợi đã chiếm hữu được, phải đương đầu với mọi hiểm nguy đang đe dọa hạnh phúc cá nhân của mình là điều không hợp lý. Tôi nhìn nhận rằng *yêu sách* điều đó quả là quá đáng. Cho nên tôi sẽ không làm thế. Nhưng lịch sử cho chúng ta thấy rằng, ngay trong các thời kỳ đen tối nhất và trong những điều kiện gian nan, thử thách nhất, nhiều cá nhân đã biết vượt lên trên quyền lợi riêng tư ích kỷ của mình để đặt chúng dưới quyền lợi của toàn thể xã hội. Điều đó luôn luôn đòi hỏi rất nhiều can đảm, trong sạch và năng lực. Tất cả những gì chúng ta có thể hy vọng hiện nay là đất nước chúng ta cũng sẽ sản xuất được đủ số người, nam cũng như nữ, biết bảo vệ danh dự của người trí thức, chống lại sự cuồng nộ của những quyền lợi hiện đang ở vào địa vị thống trị, và những cuộc tấn công dồn dập của chủ nghĩa bất khả tri, chủ nghĩa ngu dân và tính phi nhân.

ⁱ Xem thêm trên trang này, trong bối cảnh văn hóa Pháp, một sự phân biệt cần thiết khác: *Học Thức Và Trí Thức I và II*.

ⁱⁱ Ở đây, chúng tôi dùng 2 thành ngữ có tính chất đánh giá rõ rệt trong tiếng Việt; ở bản gốc, tác giả dùng «*long-haired professor*» và «*egghead*» (đầu quả trứng = đầu hói). Dù thoát nhìn chỉ có vẻ như mô tả, cả 2 từ tiếng Anh trên thật ra cũng hàm ý đánh giá, vì đều gọi lên hình ảnh kẻ đắm chiêu mơ mộng, thiếu liên hệ với người bình dân, không thực tế, thậm chí thiếu nam tính! Riêng từ «*egghead*» đã đạt đến mức thông dụng tột đỉnh vào cuối những năm 1950, khi được Richard Nixon dùng để phi báng ứng cử viên tổng thống Adlai Stevenson của Đảng Dân Chủ Mỹ. Trong thập niên sau, «*Egghead*» trở thành tên của nhân vật gian hùng số một trong bộ phim truyền hình *Batman*; với bộ mặt tai tái, cái đầu hói, bộ quần áo nửa trắng nửa vàng, Egghead tự xưng là «*kẻ phạm tội tinh ranh nhất thiên hạ*», và từ khi giới đến ngôn ngữ sử dụng đều gọi nghĩ đến quả trứng («*eggs-zactly*», «*eggs-cellent*»). PTL.

ⁱⁱⁱ Dẫn từ đọc tại **American Association for the Advancement of Science** (New York, 27-12-1960), đã đăng lại trên *Monthly Review*, số tháng 2-1961, tr. 507.

^{iv} Xin xác định để tránh mọi hiểu lầm: người lao động trí thức có thể (và đôi khi thực sự) là người trí thức, và người trí thức thường là người lao động trí thức. Tôi nói «*thường*» vì nhiều công nhân nhà máy, thợ thủ công hay nông dân cũng có thể (và trong một số hoàn cảnh lịch sử, điều này đã từng xảy ra) là người trí thức mà không hề làm một nghề lao động trí thức.

^v Trong bản gốc: «*milk of the Hottentots*»; trong bản dịch Pháp ngữ «*pauvres petits Chinois*». Từ «*Hottentots*» xuất hiện trong sách vở của người Âu vào thế kỷ thứ 18, như tiêu chuẩn để chỉ giống người thấp kém và mọi rợ nhất; trên thực tế, đây là tên mà giới thực dân Hà Lan đặt cho một bộ lạc Nam Phi ở giữa Mũi Hảo Vọng và Namibia, mặc dù tập hợp thổ dân này tự gọi mình là «*khoikhoi*» («*chúng tộc tinh khiết*»). Ngày nay, quyển *Shorter Oxford Dictionary* của nước Anh vẫn còn định nghĩa «*Hottentot*» là «*kẻ thấp kém về văn hoá và trí tuệ*», trong khi từ thời New Deal ở Mỹ, chữ «*sữa cho dân Hottentots*» trở thành câu chế giễu quen thuộc của phe đối lập với mọi hình thức viện trợ nhân đạo của Hoa Kỳ cho các nước kém phát triển. PTL.

^{vi} Trích dịch từ: «*Now philosophy has become mundane, and the most striking proof of this is that philosophical consciousness itself has been drawn into the torment of the struggle, not only externally but also internally. But, if constructing the future and*

settling everything for all times are not our affair, it is all the more clear what we have to accomplish at present: I am referring to ruthless criticism of all that exists, ruthless both in the sense of not being afraid of the results it arrives at and in the sense of being just as little afraid of conflict with the powers that be» = «Triết học nay đã trở thành thế tục, và bằng chứng nổi bật nhất của sự thế tục hóa này là ngay bản thân ý thức triết học cũng bị lôi vào bão táp đấu tranh, và không phải chỉ phơn phớt bên ngoài, mà trong tận thâm sâu. Nhưng nếu việc xây dựng tương lai và giải quyết vĩnh viễn mọi vấn đề không phải là công việc của chúng ta, thì điều mà ta cần phải thực hiện bây giờ lại càng hiện ra rõ rệt hơn nữa: phê phán không xót thương tất cả những gì hiện hữu, không xót thương theo nghĩa là sự phê phán đó sẽ không lùi bước trước những kết luận của chính nó, và theo nghĩa là nó cũng không sợ đụng chạm với bất cứ thứ quyền lực đương tồn nào» (thư Karl Marx gửi Arnold Ruge, Kreuznach, 9-1843). PTL.